TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/DS-ST
Ngày 15 tháng 4 năm 2026
V/v " Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - LÀO CAI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Vũ Quang Đại.

*Các hội thẩm nhân dân:*1. Ông Hồ Trọng Trung

2. Bà Vi Thị Loan

Ông - *Thư ký phiên toà*: Ông Lê Mạnh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 - Lào Cai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lào Cai tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lào Cai, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lào Cai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2025/TLST - DS ngày 30 tháng 10 năm 2026 về việc: "Yêu cầu bồi thường tiệt hại do tài sản bị xâm phạm" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18 ngày 25/3/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T - Sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn 9 Vài Siêu, xã TH, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị B – Sinh năm 1959; chị Hoàng Thị B – Sinh năm 1992;

Cùng trú tại: Thôn B2, xã TH, tỉnh Lào Cai (Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 vắng mặt không có lý do).

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lục Văn N (Chồng chị Hoàng Thị T) – Sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn 9 Vài Siêu, xã TH, tỉnh Lào Cai – Có mặt

- Ông Hoàng Văn T – Sinh năm 1964;

- Bà Lương Thị T – Sinh năm 1967;

Cùng trú tại: Thôn B2, xã TH, tỉnh Lào Cai;

Người được ông T, Bà T ủy quyền tham gia tố tụng: Chị Hoàng Thị T - Sinh năm 1979 (Ông T và bà T sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Anh Hoàng Xuân H (Con đẻ bà B) – Sinh năm 1983;

- Chị Hoàng Thị P (Con đẻ bà B) – Sinh năm 1990;

- Chị Lục Thị D (Con dâu bà B)– Sinh năm 1989;

Cùng trú tại thôn B2, xã TH, tỉnh Lào Cai – (Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không có lý do);

- Chị Hoàng Thị T (Con đẻ bà B) – Sinh năm 1988; Hoàng Văn N (Con rể bà B) – Sinh năm 1985;

Cùng trú tại thôn B1, xã TH, tỉnh Lào Cai – (Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và lời trình bày tại phiên tòa của các nguyên có nội dung như sau:

Khoảng 06 giờ 20 phút ngày 19/9/2024 Chị T nghe tin có người đến chặt cây, đốt phá lán của nhà mình tại bản B2, xã Minh Tân, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai (Hiện nay là bản B2, xã Thượng Hà, tỉnh Lào Cai). Chị T gọi điện thoại thông báo cho an ninh viên, Trưởng thôn và Công an xã trình báo vụ việc đồng thời chị T cùng chồng là anh Lục Văn N đến hiện trường thì thấy gia đình bà B gồm: Bà Hoàng Thị B, chị Hoàng Thị B, chị Hoàng Thị P, chị Lục Thị D, anh Hoàng Xuân H, chị Hoàng Thị T, anh Hoàng Văn N đang đốt lán, chặt cây của anh chị và của ông T, bà T trên thửa đất số 2, tờ bản đồ số 56 trước đây thuộc bản B2, xã Minh Tân, huyện Bảo Yên, nay Thôn B2, xã TH, tỉnh Lào Cai.

Sau khi sự việc xảy ra Công an xã Minhh Tân đã có kết luận và các tài liệu chứng cứ khác chị T giao nộp đã xác định thiệt hại về tài sản trên đất gồm:

04 cây xoan đào kích thước cụ thể: Cây thứ nhất chặt thành 02 khúc, khúc 1 chu vi thân cây 87 cm, dài 05 m, khúc 2 chu vi thân cây 48 cm, dài 05 m; Cây thứ 2 cắt thành 02 khúc, khúc 1 chu vi thân cây 52 cm, dài 04 m , khúc 2 chu vi thân cây 44 cm dài 05 m; Cây thứ 3 cắt thành 03 khúc, khúc 1 chu vi thân cây 65, dài 4m, khúc 2 chu vi thân cây 42, dài 5 m, khúc 3 chu vi thân cây 67, dài 2,5m; Cây thứ 4 cắt thành 04 khúc: Khúc 1 chu vi thân cây 74 dài 2m, Khúc 2 chu vi thân cây 74 dài 2m, Khúc 3 chu vi thân cây 57 dài 3m, Khúc 4 chu vi thân cây 48 dài 2m; 01 cây si cao 2m, chu vi thân cây gốc 60 cm; 01 cây mít bị chặt chu vi thân cây 30 cm cao 2m; 01 lán chất liệu tre và bạt che mưa rộng 4 m, dài 6 m.

Tại biên bản định giá của Công an huyện Bảo Yên còn 1 số cây chưa được định giá gồm: 03 cây nhãn bị chặt cành và chặt có chu vi mỗi cây từ 15 đến 23 cm; 01 cây si đường kính 15 cm cao 3 m; 01 cây si đường kính 09 cm, cao 3 m; 01 cây si đường kính 21 cm cao 3 m, 01 bụi dây leo củ nâu trắng đã trồng 19 năm ước tính 10 kg củ; 01 cây ngõa đường kính 30 cm chiều cao 3 m chặt để lại gốc 1,5 m; 03 cây chuối.

Nay chị Hoàng Thị T khởi kiện bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị B và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Xuân H, chị Hoàng Thị P chị Lục Thị D, chị Hoàng Thị T, anh Hoàng Văn N phải liên đới bồi thường cho chị số tiền theo biên bản định giá tài sản của Công an huyện Bảo Yên và các cây cối bị trặt phá chị T khai thêm với tổng số tiền là 17.454.000 đồng.

Trong quá trình điều tra chị T đã có đơn yêu cầu Tòa án thành lập Hội đồng định giá những tài sản chị T bị chặt phá mà chưa được Công an huyện Bảo Yên định giá. Tại kết luận định giá tài sản các tài sản chị T yêu cầu định giá tổng trị giá 363,040 đồng.

Tại phiên tòa chị T và anh N xác định được trị giá tài sản theo yêu cầu định giá bổ sung đồng thời số cây ngô ngọt và cây chuối là của ông T bà T nên đã có lời khai và tại phiên tòa rút yêu cầu khởi kiện 9.295.631 đồng trong tổng số 17.454.000 đồng thời thay đổi 1 phần nội dung khởi kiện chỉ yêu cầu cá nhân bà Hoàng Thị B phải bồi thường tổng số tiền còn lại là 8.158.369. Lý do các con bà B không biết tài sản trên đất là của chị T, anh N.

Trong các bản tự khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan của anh Lục Văn N và lời khai tại phiên tòa có nội dung và yêu bồi thường thống nhất như nội dung các biên bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của chị Hoàng Thị T.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T và bà Lương Thị T đã ủy quyền cho chị T tham gia tố tụng và yêu cầu những người có nghĩa vụ liên quan phải bồi thường thiệt hại Ngô ngọt 281 cây, 06 cây chuối ông T bà T đã trồng trên thửa đất số 2, tờ bản đồ số 56 trước đây thuộc bản B2, xã Minh Tân, huyện Bảo Yên, nay là thôn B2, xã Minh Tân nay tổng trị giá: 635.330 đồng. Trước khi Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ông Hoàng Văn T và bà Lương Thị T đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện. Tại đơn xin xét xử vắng mặt của ông T, bà T và lời trình bày của chị T tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm.

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn H, chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn N cùng có nội dung thống nhất như sau:

Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 56 trước đây thuộc bản B2, xã Minh Tân, huyện Bảo Yên, nay là thôn B2, xã xã TH, tỉnh Lào Cai thuộc quyền sử dụng của bà B. Ngày 19/9/2024 bà Hoàng Thị B nhờ anh H và chị T và anh N đến phát dọn cây cối và tài sản trên đất để sử dụng đất nên anh H và chị T và anh N đến phát. Nay chị Hoàng Thị T khởi yêu cầu anh H và chị T, anh N cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản các đương sự không nhất trí bồi thường.

Quá trình thẩm định xem xét tại chỗ đã xác định được hiện trạng trên thửa đất số số 2, tờ bản đồ số 56 có hiện trạng các loại cây trên đất còn lại như sau:

01 cây hương gù cao 14 m đường kính trung bình 15 cm; 04 cây si cao 4 m, đường kính trung bình 20 cm; 01 gốc cây trứng gà đường kính 10 cm cao 30 cm; 01 gốc cây si cao đường kính 15 cm cao 2m; 01 cây nhãn cao 03 m đường kính 15 cm; 01 câu mít cao 3 m, đường kính trung bình 15 cm, 02 cây chuối cao 2 m; 01 gốc nhãn, 01 gốc mít mỗi gốc cao 30 cm , đường kính 10 cm; 03 gốc ngõa cao 3 m, đường kính 10 cm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp quy định tại Điều 26, 35, 39 BLTTDS, được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho đương sự và cho Viện kiểm sát đúng quy đinh tại Điều 195, 196 BLTTDS. Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 220 BLTTDS.

- Việc thu thập, giao nhận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều 96, 97, 98, 101, 104 BLTTDS. Tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cư, hòa giải đúng theo quy định tại các Điều 109, 207, 208, 209, 210, 211 BLTTDS.

- Việc tống đạt văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định tại các Điều 175, 177, 178,179 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn N, chị Hoàng Thị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70; Bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Xuân Hợi, bà Hoàng Thị Phượng, chị Lục Thị D không đến tòa án giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập không có lý do theo quy định tại khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Căn cứ Điều 170, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015; Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 241, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; giải quyết theo hướng:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Hoàng Thị B phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Hoàng Thị T ông Lục Văn N tổng số tiền 5.076.900 đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu chị Hoàng Thị Bphải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Hoàng Thị T, ông Lục Văn N.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị B, chị Hoàng Thị B. Các bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cư trú trên địa bàn xã TH bồi thường thiệt hại về tài sản. Trong quá trình gải quyết tranh chấp

quyền sử dụng đất Tòa án các cấp đã không giải quyết tài sản gắn liền với đất. Vì vậy chị T khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại. Cần xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lào Cai được quy định tại các Điều 26, 35, 36 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là "Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm".

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ban hành các văn bản tố tụng và trực tiếp giao nhận cho các bị đơn và những người có nghĩa vụ liên quan (Anh H, chị D, chị P, chị T, anh N) nhưng các đương sự từ chối nhận tất cả các văn bản tố tụng, không tham gia tố tụng khi Tòa án triệu tập (Chị T nhận 01 thông báo đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào vụ án), chị D không có mặt tại địa phương. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi liên quan (Anh N): Trước ngày 19/12/2024 giữa chị Hoàng Thị T, anh Lục Văn N đã khởi kiện bà Hoàng Thị B yêu cầu buộc bà Hoàng Thị B phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng 235 m2 đất và hủy một phần GCNQSDĐ số AE 168615, số vào sổ H00673 do Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên cấp ngày 20/12/2007 cho hộ bà Hoàng Thị B tại thửa đất Số 2, tờ bản đồ số 56 mục đích sử dụng đất ở nông thôn. (Nay là bản B2, xã TH tỉnh Lào Cai). Tại Bản án số 77/2022 ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hà Nội đã tuyên: Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Thị T.

Tại biên bản làm việc của Công an xã Minh Tân, huyện Bảo Yên ngày 24/10/2024 bà B và chị T đều xác định là tài sản đã bị chặt phá là của mình.

Trong biên bản lấy lời khai của ông Hoàng Văn T, ông T khai: Năm 1989 khai hoang thửa đất trên sử dụng đến năm 2002 bà B được UBND huyện cấp 01 thửa đất dãn dân ra khỏi vùng sạt lở nên bà B không mượn đất của ông T nữa. Năm 2005 ông T bán lại đất cho chị T và anh N sử dụng và anh N chị T trồng các loại cây trên đất trong thời gian này bà B tự ý lên UBND xã Minh Tân làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ năm 2007 bà B Được UBND huyện Bảo Yên cấp GCNQSDĐ. Về cây cối trên đất ông T có trồng nhờ chị T anh N gồm ngô ngọt và chuối.

- Lời khai của nhiều người làm chứng khác (Có trong hồ sơ) gồm người dân, viên chức sinh sống và làm việc lâu năm tại thôn B2, xã TH đã xác nhận chị T và anh N đã sử dụng đất từ năm 2005 trên đất có dựng 01 lán và trồng nhiều loại cây như si, ngõa, mít, nhãn, xoan và một số loại cây khác.

Đối với bà Hoàng Thị B trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà B không hợp tác với Tòa án, không cung cấp được chứng cứ chứng minh tài sản trên đất là của mình.

Đến thời điểm 12/4/2022 Bản án phúc thẩm số: 77/2022/DS-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mới xác định thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của bà B. Tuy nhiên trước đó ông T và bà T đã bán thửa đất này cho chị T và anh N bằng

giấy viết tay, Chị T và anh N đã trồng cây bà B không có ý kiên gì nên trước ngày được cấp đất bà B chưa có quyền sử dụng thửa đất này.

Từ các chứng cứ nêu trên đã có đủ cơ sở xác định cây trồng trên thửa đất trên là tài sản của chị T và anh N. Tại phiên tòa chị T và anh N rút yêu cầu khởi kiện 9.295.631 đồng trong tổng số 17.454.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Về yêu cầu bồi thường 01 lán 01 lán cột tre, mái bạt của chị T và anh N. Sau khi Tòa án cấp cao tại Hà nội đã tuyên án ngày 17/9/2024 chị T mới dựng lán trên đất ngày 18/9/2024 UBND xã Minh Tân đã có biên bản kiểm tra và yêu cầu chị T và anh N di rời lán ra khỏi thửa đất trên nhưng chị T và anh N không di rời. Cần không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của chị T là phù hợp.

Về việc chị T, anh N xác định chỉ có bà Hoàng Thị B biết tài sản trên đất là của chị và anh N nên không yêu cầu các con bà B phải bồi thường là phù hợp. Cần chấp nhận buộc bà Hoàng Thị B phải bồi thường cho chị Hoàng Thị T và anh Lục Văn N các khoản tiền sau:

Thiệt hại tài sản theo biên bản định giá của Công an huyện Bảo Yên là:

8. 090.324 đồng; Thiệt hại tài sản do hội đồng định giá tài sản do Tòa án thành lập là: 363.040 đồng trừ đi trị giá 03 khóm chuối là 167.200 đồng, trừ đi trị giá ngô ngọt là 127.525 đồng, 01 lán tre lợp bạt 3.081.469 đồng còn lại bà Hoàng Thị B phải bồi thường cho chị T và anh N tổng số tiền 5.076.900 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T và bà Lương Thị T ngày 01/12/2025 ông T và và T đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đến nay các đương không thay đổi. Cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện của các đương sự là phù hợp.

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị T và anh Lục Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần bị Tòa án không chấp nhận yêu cầu. Bà Hoàng Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn lại không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Hoàng Thị T đã nộp số tiền tạm ứng chi phí thẩm định xem xét tại chỗ là 5.000.000 đồng. Tòa án đã chi phí Thẩm định xem xét tại chỗ và định giá tài sản hết số tiền 1.800.000 đồng. Cần buộc Bị đơn bà Hoàng Thị B trả chị Hoàng Thị T số tiền chi phí tố tụng là 1.800.000 đồng. Số tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn 3.200.000 đồng. Tòa án đã hoàn trả chị T theo biên bản ngày 27/01/2026.

[5] Các đề nghị cơ bản của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lào Cai là phù hợp. Cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự; Điểm c khoản 1 Điều Điều 165, 217, 147, 157, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T và anh Lục Văn N. Buộc bị đơn bà Hoàng Thị B phải bồi thường cho chị Hoàng Thị T và anh Lục Văn N tổng só tiền 5.076.900 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T và bà Lương Thị T về việc yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lào Cai buộc bà Hoàng Thị B, chị Hoàng Thị B phải liên đới bồi thường cho ông T, bà T số tiền 635.330 đồng.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T, anh Lục Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Trả lại chị Hoàng Thị T số tiền tạm ứng án phí chênh lệch còn lại là 136.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0001647 ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai; Ông Hoàng Văn T và bà Lương Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Hoàng Văn T và bà Lương Thị T 300.000 đồng theo biên lai số 0001646 ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai (Chị T được ông T, bà T ủy quyền nộp tạm ứng án phí). Bà Hoàng Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc Bị đơn bà Hoàng Thị B phải trả chị Hoàng Thị T số tiền thẩm định xem xét tại chỗ và định giá tài sản là 1.800.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Hoàng Thị T, anh Lục Văn N, Ông Hoàng Văn T, bà Lương Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Hoàng Thị B, chị Hoàng Thị B, anh Hoàng Văn H, chị Lục Thị D, Chị Hoàng Thị P, chị Hoàng Thị T, anh Hoàng Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lào Cai;*
- *VKSND tỉnh Lào Cai;*
- *VKSND KV 8;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Phòng THAKV 8;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, TQĐ.

Vũ Quang Đại